

Bản án số: 110/2024/DS-PT
Ngày 16 - 08 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Các ngày 12, 16 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo; kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Trịnh Ngọc Q**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: ấp Tân Tiến, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: bà **Phạm Thị Xiếu L**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Lê Tấn T**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

4. Người kháng cáo: bà **Phạm Thị Xiếu L** là bị đơn và ông **Lê Tấn T** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Q, bà Xiếu L, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông Trịnh Ngọc Q trình bày theo đơn khởi kiện và lời khai:

Ông Q có yêu cầu bà Phạm Thị Xiếu L trả số tiền mượn là 175,000,000đ và không có yêu cầu tính lãi suất. Căn cứ yêu cầu: ngày 05/3/2022, ông Q cho bà X Lớn mượn số tiền là 100,000,000đ có viết giấy nhận nợ nhưng không có tính lãi suất do là chỗ gia đình. Đến khoảng 03 tháng sau, sau khi mượn lần đầu thì bà Xiếu L mượn thêm 100,000,000đ nữa nhưng không có viết giấy nợ bổ sung mà ông Q tự viết thêm là + 100,000,000đ là 200,000,000đ và cũng không có tính lãi suất.

Mượn lần đầu bà Xiếu L có gửi cho ông Q 03 lần số tiền là 9,000,000đ thông qua hình thức chuyển khoản 02 lần mỗi lần 5,000,000đ (do bên bà Xiếu L có cho thêm 1,000,000đ nên là 10,000,000đ). Đến khi mượn số tiền lần 2 thì bà Xiếu L cho thêm tiền ông Q là 6,000,000đ (cho 03 lần là 18,000,000đ) cũng qua hình thức chuyển khoản. Sau đó bà X không cho nữa và xin trả vốn và có trả cho ông Q là 25,000,000đ. Nên hiện nay còn nợ lại ông Q là 175,000,000đ.

Nay, ông Q yêu cầu bà Xiếu L trả cho ông Q số tiền mượn là 175,000,000đ và không có yêu cầu tính lãi suất.

*Bị đơn bà Phạm Thị Xiếu L trình bày theo lời khai:

Theo yêu cầu của ông Q, bà Xiếu L không đồng ý với lý do như sau: Ngày 05/3/2022 bà Xiếu L có hỏi vay ông Q số tiền là 100,000,000đ, lãi suất mỗi tháng là 5,000,000đ, đóng lãi được 08 tháng số tiền là 40,000,000đ. Sau đó, do đóng lãi không nổi nên bà Xiếu L xin góp hàng tháng mỗi tháng là 5,000,000đ, góp được 05 tháng số tiền là 25,000,000đ. Do không có khả năng thanh toán tiếp tục nên hiện tại bà Xiếu L chỉ còn nợ ông Q là 75,000,000đ. Khi mượn nợ có viết giấy nhận nợ là 100,000,000đ. Đối với chữ viết + 100,000,000đ là 200,000,000đ là do ông Q tự ghi bà Xiếu L không biết và xác định chỉ có nợ 100,000,000đ (đã trả 25,000,000đ) còn nợ lại 75,000,000đ. Đối với số tiền bà Xiếu L nợ ông Q, bà Xiếu L và ông T đã đóng lãi là 40,000,000đ, trả gốc là 25,000,000đ. Tổng là 65,000,000đ. Trừ vào nợ gốc 100,000,000đ, còn lại bao nhiêu bà Xiếu L và ông T đồng ý trả cho ông Q.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn T trình bày theo lời khai:

Số tài khoản của ông T đã chuyển tiền đóng lãi cho ông Q 06 lần cụ thể ngày 05/4/2022 là 5,000,000đ; chuyển ngày 06/5/2022 là 5,000,000đ; chuyển ngày 05/12/2022 là 5,000,000đ; chuyển ngày 04/6/2022 là 6,000,000đ; chuyển

ngày 07/10/2022 là 6,000,000đ; chuyển ngày 08/9/2022 là 6,000,000đ;

Nay đối với ý kiến của bà **Xiếu L**, ông **T** đồng ý. Ông **T** xác định ông **T** và bà **Xiếu L** chỉ nợ ông **Q** là 75,000,000đ, số tiền còn lại vợ chồng ông **T** không có nợ và có yêu cầu trừ số tiền lãi đã đóng cho ông **Q** là 40,000,000đ và tiền gốc là 25 triệu đồng. Tổng là 65,000,000đ trừ vào số tiền vợ chồng đã nợ 100,000,000đ. Còn lại 35,000,000đ ông **T** và bà **Xiếu L** đồng ý trả cho ông **Q**.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông **Trịnh Ngọc Q** xác định: ông **Q** có nhận là 25,000,000đ tiền gốc, đến khi đưa thêm 100,000,000đ lần sau thì vợ chồng bà **Xiếu L** đã chuyển khoản thêm cho ông **Q** 03 lần mỗi lần là 6,000,000đ. Cho mượn lần đầu vợ chồng bà **Xiếu L** có gửi 02 lần mỗi lần 5,000,000đ để cho con ông **Q** uống sữa, nhưng thực tế là trả tiền lãi 03 tháng, nhưng bên bà **Xiếu L** có cho thêm 1,000,000đ nên ra số tiền 03 tháng là 10,000,000đ. Tại phiên tòa ông **Q** vẫn giữ nguyên yêu cầu là không có yêu cầu tính lãi suất và yêu cầu bà **Xiếu L** và ông **T** trả cho ông **Q** số tiền vay nêu trên.

Bị đơn bà **Xiếu L** trình bày: bà **Xiếu L** xác định đó là tiền vay, không phải là tiền mượn và đã đóng lãi theo bản sao kê của ông **T** số 0948626080 và tài khoản của bà **L** số 070090832636 qua tài khoản của ông **Q** số 007210006329003 qua các lần như ông **T** trình bày. Các lần khác bà **Xiếu L** trả tiền trực tiếp. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà **Xiếu L** có yêu cầu đối trừ lãi đã đóng, nay bà **Xiếu L** có yêu cầu rút lại và không có yêu cầu đối trừ số tiền lãi đã đóng và đồng ý trả cho ông **Q** số tiền gốc còn lại là 75,000,000đ.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Ngọc Q**. Buộc bà **Phạm Thị Xiếu L** và ông **Lê Tấn T** có nghĩa vụ trả cho ông **Trịnh Ngọc Q** số tiền vay là 175,000,000đ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị Xiếu L** về việc yêu cầu ông **Trịnh Ngọc Q** đối trừ số tiền lãi đã đóng là 40,000,000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quy định về thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, ông **Lê Tấn T** và bà **Phạm Thị Xiếu L**; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu kháng cáo, kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Ngọc Q**.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thì có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Xiếu L, ông Lê Tấn T và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Tấn T và bà Phạm Thị Xiếu L; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp đã được cấp sơ thẩm nhận định và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tấn T và bà Phạm Thị Xiếu L; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

Theo chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thì ông Q yêu cầu bà Xiếu L trả số tiền vay còn lại là 175,000,000đ. Bà Xiếu L không thừa nhận có vay 200,000,000đ chỉ thừa nhận vay 100,000,000đ đã trả 25,000,000đ chỉ còn nợ lại tiền gốc là 75,000,000đ.

Xét lời trình bày của ông Q cho rằng sau lần mượn ngày 05/3/2022 đến khoảng 03 tháng sau ông Q có cho bà X Lớn mượn thêm 100,000,000đ không có viết thêm biên nhận, nhưng ông Q đã tự ghi vào khoảng trống giấy nhận tiền + 100,000,000đ là 200,000,000đ. Như vậy, việc ông Q tự ghi thêm số tiền 100.000.000đ nhưng bà Xiếu L và ông T không thừa nhận, nên không có căn cứ chứng minh ông Q cho vợ chồng bà Xiếu L vay thêm 100.000.000đ.

Căn cứ để ông Q cho rằng có mượn thêm số tiền 100,000,000đ là ban đầu khi cho mượn 100,000,000đ bà Xiếu L có trả cho ông Q mỗi tháng là 3,000,000đ qua 02 lần chuyển ngày 05/4/2022 là 5,000,000đ; chuyển ngày 06/5/2022 là 5,000,000đ; 3 tháng là 9.000.000đ, thừa 1.000.000đ vợ chồng ông T, bà Xiếu L cho con ông Q; đến khi cho mượn thêm 100,000,000đ thì đến ngày 04/6/2022 bà Xiếu L chuyển từ tài khoản của ông T cho ông Q ngày 04/6/2022 là 6,000,000đ; ngày 08/9/2022 là 6,000,000đ; ngày 07/10/2022 là 6,000,000đ. Bà Xiếu L và ông T không thừa nhận sự việc trên mà cho rằng số tiền 6,000,000đ chuyển thêm là do bà X và ông T cho thêm con ông Q để uống sữa.

Như vậy, việc số tiền đóng lãi cho 3% hay 5% thì cả hai bên không thống nhất. Nên không có căn cứ cho rằng số tiền đóng lãi để chứng minh cho số tiền vay thêm 100.000.000đ theo yêu cầu của ông Q.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Xiếu L và ông Lê Tấn T là chỉ vay của ông Trịnh Ngọc Q số tiền 100.000.000đ. Các bên thống nhất bà Phạm Thị Xiếu L và ông Lê Tấn T đã trả nợ gốc cho ông Trịnh Ngọc Q 25.000.000đ. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm là buộc bà Phạm Thị Xiếu L và ông Lê Tấn T có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Ngọc Q 75.000.000đ. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc Q1 yêu cầu bà Phạm Thị Xiếu L và ông Lê Tấn T có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Ngọc Q số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tấn T và bà Phạm Thị Xiếu L; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu ; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Ông Trịnh Ngọc Q phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là $100.000.000đ \times 5\% = 5.000.000đ$. Ông Q đã nộp tiền tạm ứng án phí 4.375.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00008281 ngày 30/11/2023 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí; ông Q có nghĩa vụ nộp số tiền án phí còn lại là 625.000đ.

[5.2] Bà Phạm Thị Xiếu L và ông Lê Tấn T phải chịu án phí số tiền 3.750.000đ. Bà Xiếu L đã nộp tạm ứng án phí là 1.625.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008704 ngày 22/4/2024, được chuyển thu án phí. Bà Xiếu L và ông Lê Tấn T còn phải nộp thêm số tiền là 2,125,000đ.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Tấn T và bà Phạm Thị Xiếu L không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tấn T và bà Phạm Thị Xiếu L; Chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 244; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 429; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Ngọc Q.** Buộc bà **Phạm Thị Xiếu L** và ông **Lê Tấn T** có nghĩa vụ trả cho ông **Trịnh Ngọc Q** số tiền vay là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị Xiếu L** về việc yêu cầu ông **Trịnh Ngọc Q** đối trừ số tiền lãi đã đóng là 40.000.000đ.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Ngọc Q** yêu cầu bà **Phạm Thị Xiếu L** và ông **Lê Tấn T** có nghĩa vụ trả cho ông **Trịnh Ngọc Q** số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà **Phạm Thị Xiếu L** và ông **Lê Tấn T** có nghĩa vụ nộp tiền án phí là 3.750.000đ. Bà **Xiếu L** đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 1.625.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008704 ngày 22/4/2024, được chuyển thu án phí. Bà **Xiếu L** và ông **Lê Tấn T** còn phải nộp thêm số tiền là 2.125.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Buộc ông **Trịnh Ngọc Q** có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5.000.000đ; ông **Trịnh Ngọc Q** đã nộp tiền tạm ứng án phí 4.375.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00008281 ngày 30/11/2023 được chuyển thu án phí; ông **Trịnh Ngọc Q** có nghĩa vụ nộp số tiền án phí còn lại là 625.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Lê Tấn T** và bà **Phạm Thị Xiếu L** không phải chịu.

4.1. Ông **Lê Tấn T** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008906 ngày 11/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, được hoàn lại toàn bộ.

4.2. Bà **Phạm Thị Xiếu L** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 theo Biên lai thu số 0008905 ngày 11/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Dương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hùng

